

BẢNG TRI THỨC VÀ KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU KÍ

I. BẢNG TỔNG HỢP TRI THỨC VỀ KÍ TRONG CÁC BỘ SÁCH GIÁO KHOA

YÊU CẦU	CÁNH ĐIỀU	KẾT NỐI TRI THỨC	CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
1. Kí		Kí là tên gọi một nhóm các thể/tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin,... nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả. Tuỳ vào mục đích viết, sự bộc lộ cái tôi tác giả và cách tổ chức các phương tiện biểu đạt mà tác phẩm kí được gọi là tuỳ bút, tản văn, phóng sự hay là kí sự, truyện kí, hồi kí, nhật kí, du kí,...	
2. Tuỳ bút	- Tuỳ bút là văn xuôi trữ tình - một loại tác phẩm tự sự phi hư cấu. Tuỳ bút ghi chép một cách tự do những suy nghĩ, cảm xúc mang màu sắc cá nhân của người viết về con người và sự việc. Vì thế, bài tuỳ bút thường thể hiện rất rõ cái “tôi” độc đáo, cũng như tâm hồn,	Tuỳ bút là tiểu loại kí có tính tự do cao, có bố cục linh hoạt, thường ngiên hân về tính trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả. Người viết sẽ tuỳ cảnh, tuỳ việc, tuỳ theo cảm hứng mà trình bày, nhận xét, đánh giá, suy tưởng... Nếu có miêu tả, kể	Tuỳ bút là tiểu loại thuộc loại hình kí; thường tập trung thể hiện cái “tôi” của tác giả, luôn có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. Ở tuỳ bút, chi tiết, sự kiện chỉ là cái có, là tiền đề để bộc lộ cảm xúc, suy tư, nhận thức, đánh giá về con người và cuộc sống. Ngôn ngữ của tuỳ bút giàu

	tình cảm của tác giả. Ngôn ngữ của tùy bút thường rất giàu chất thơ.	chuyện thì đó cũng chỉ là cái có để giải bày cảm xúc, suy tư trữ tình.	chất thơ (có chất trữ tình, giàu nhạc điệu, giàu sức gợi...)
3. Tản văn	- Tản văn - một loại tác phẩm gần với tùy bút, cũng là loại tác phẩm tự sự phi hư cấu, sử dụng kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. Nội dung bài tản văn thường nêu lên các hiện tượng chân thực, gần gũi với cuộc sống nhưng giàu ý nghĩa xã hội . Thông qua nội dung ấy, người viết bộc lộ trực tiếp tình cảm, suy nghĩ mang đậm cá tính của mình.	Tản văn là một tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình , còn có thể kết hợp nghị luận, miêu tả... nhằm thể hiện những rung cảm thẩm mĩ và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống. Cái tôi của tác giả luôn hiện diện rõ nét, nhưng việc triển khai những liên hệ, suy tưởng phần nào được tiết chế so với tùy bút.	Tản văn là một dạng văn xuôi gần với tùy bút; thường kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả thiên nhiên, khắc họa nhân vật. Tản văn chú trọng việc nêu lên được nét chính của các hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội và bộc lộ tình cảm, ý nghĩ của tác giả. Nếu sức hấp dẫn của tùy bút là tính chất tự do, tài hoa trong liên tưởng gần với cái tôi tác giả thì sức hấp dẫn của tản văn chủ yếu ở khả năng phát hiện những nét đặc thù, đặc biệt của sự việc, đối tượng hay khả năng kết nối, xâu chuỗi các sự việc, đối tượng có vẻ rời rạc, nhỏ nhặt để hướng đến thể hiện chủ đề tác phẩm .
4. Truyện kí	- Truyện kí là thể loại giao thoa giữa truyện và kí, trong đó, nhà văn dựa vào những con người và sự việc có thật, lựa chọn, sắp xếp và tổ chức thành câu chuyện hấp dẫn, làm nổi bật đối tượng được phản ánh bằng ngôn ngữ văn học.	Truyện kí là một dạng kể về người thật, việc thật. Tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực của toàn bộ sự việc được kể là đòi hỏi quan trọng hàng đầu đối với các sáng tác thuộc thể loại này. Vì vậy, truyện kí	

	- Truyện kí phát triển mạnh trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ do yêu cầu cổ vũ, động viên, ca ngợi người thật việc thật...	được xếp vào loại văn học phi hư cấu.	
Sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn	- Với nhiệm vụ ghi chép sự thật của đời sống, từ đó bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết, cả tùy bút và tản văn đều cần có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. - Tự sự là kể lại sự việc (bối cảnh, nhân vật, quá trình, kết quả...); trữ tình là bộc lộ trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết trước con người và sự việc được nói tới. Tùy vào đề tài và mục đích bài viết mà tác giả kết hợp các yếu tố tự sự và trữ tình với mức độ khác nhau. Nhìn chung, tùy bút sử dụng nhiều yếu tố trữ tình, tản văn sử dụng nhiều yếu tố tự sự.	Trong tùy bút, tản văn, yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình luôn có sự kết hợp linh hoạt, tùy vào ý tưởng trung tâm được triển khai, đối tượng của sự quan sát, chiêm nghiệm và đặc điểm phong cách nghệ thuật của người viết.	- Yếu tố tự sự trong tùy bút, tản văn là yếu tố kể chuyện, thể hiện qua việc ghi chép, thuật lại các sự việc, câu chuyện, chuỗi tình tiết liên quan tới hành vi, diễn biến tâm trạng, tình cảm của nhân vật hay lịch sử, phong tục được đề cập trong tác phẩm. - Yếu tố trữ tình trong tùy bút, tản văn là yếu tố thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của cái tôi tác giả trong tùy bút hay của người kể chuyện, quan sát miêu tả trong tản văn.
Sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư	Truyện kí chú trọng tính xác thực về con người và sự kiện... đồng thời sử dụng hư cấu với các chi tiết, tâm lí nhân vật, sự việc... do nhà văn tưởng tượng ra khiến câu chuyện hiện lên	- Hư cấu (sáng tác): loại sáng tác ngôn từ được xây dựng theo nguyên tắc dùng tưởng tượng để xây dựng hình ảnh toàn vẹn về con người và đời sống.	

cấu trong truyện kí	vừa chân thực, khách quan vừa sinh động theo cách nhìn độc đáo của tác giả.	(Bảng giải thích thuật ngữ, SGK Kết nối lớp 11 tập 2 trang 127) - Phi hư cấu (sáng tác): là sáng tác ngôn từ được xây dựng theo nguyên tắc tôn trọng tối đa tính xác thực, khách quan của đối tượng được đề cập, miêu tả, thể hiện; được cảm nhận như tài liệu ghi chép đáng tin cậy về con người và đời sống. (Bảng giải thích thuật ngữ, SGK Kết nối lớp 11 tập 2 trang 127) - Truyện kí: Tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực của toàn bộ sự việc được kể là đòi hỏi quan trọng hàng đầu đối với các sáng tác thuộc thể loại truyện kí. Vì vậy, truyện kí được xếp vào loại văn học phi hư cấu. Tuy nhiên, yếu tố hư cấu vẫn luôn hiện diện trong truyện kí (dù được sử dụng một cách tiết chế), thể hiện sự sáng tạo riêng của người viết khi xử lí, tổ chức tư liệu và lựa chọn giọng điệu, ngôn ngữ trần thuật thích hợp. Yếu tố hư cấu còn được thể hiện qua	
----------------------------	---	---	--

		cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc nhân vật.	
Nhật kí	Nhật kí là một thể loại thuộc loại hình kí, ghi chép theo thứ tự ngày tháng về những sự kiện của đời sống mà tác giả là người trực tiếp tham gia hay chứng kiến. Nhật kí thường bộc lộ suy nghĩ, thái độ và đánh giá của người viết về con người, cuộc đời và chính bản thân mình.		Nhật kí là một thể loại thuộc loại hình kí, là hình thức tự thuật có độ tin cậy cao, được thể hiện dưới dạng ghi chép hằng ngày, có đánh số ngày, tháng, năm. Những cuốn nhật kí có giá trị văn học không đơn thuần ghi chép sự việc hàng ngày của một cá nhân mà còn giàu tính nhân văn, đặc sắc về ngôn từ và nghệ thuật.
Hồi kí	Hồi kí là một thể loại thuộc loại hình kí, ghi lại những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến. Do sự cách quãng của thời gian diễn ra sự kiện nên hồi kí không ghi chép tỉ mỉ hằng ngày như nhật kí mà chỉ ghi chép dựa trên ấn tượng và hồi ức của cá nhân người viết. Dù là những ghi chép cá nhân nhưng hồi kí vẫn đảm bảo tính khách quan, chính xác về sự kiện, nhân vật, thời gian, địa điểm... Hồi kí của những nhân vật có vị trí xã hội (nhà hoạt động chính trị, nhà khoa	Hồi kí là thể loại thuộc loại hình kí, có giá trị tư liệu cao, kể lại từ điểm nhìn chủ quan về những sự kiện, biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là nhân vật trung tâm hoặc là người tham dự, chứng kiến.	

	học, nhà văn lớn, nghệ sĩ nổi tiếng...) là những tư liệu lịch sử quý giá, có ý nghĩa và tác động xã hội rất lớn...		
Phóng sự	Phóng sự là một thể loại thuộc loại hình kí, ghi chép kịp thời, cụ thể những sự việc, con người nhằm làm sáng tỏ trước công luận về vấn đề đặt ra từ bài viết. Vấn đề nêu lên trong bài phóng sự thường liên quan đến hoạt động và số phận của một hoặc nhiều người, có ý nghĩa thời sự đối với xã hội. “Là một thể loại phi hư cấu, phóng sự còn mang yếu tố chính luận: câu chuyện kể về các sự kiện được xen kẽ với những suy nghĩ và bình luận ngoại đề của tác giả. Đặc biệt, chủ kiến của nhà văn bộc lộ rõ trong phóng sự văn học” (Huỳnh Như Phương).	Phóng sự xuất hiện trên cơ sở sự phát triển của báo chí hiện đại, thường được xem là một tiểu loại của kí. Phóng sự cung cấp cho người đọc cái nhìn chân thực về một sự việc, hiện tượng, thường là đặc biệt, có ý nghĩa thời sự, diễn ra trong đời sống xã hội đương thời. (tính thời sự) Phóng sự thể hiện tính chiến đấu cao khi dùng sự thật để phản bác những nhận thức còn sai lệch và khẳng định những biểu hiện tốt đẹp trong đời sống, tác động tích cực đến nhận thức của người đọc. Tính chân thực về thời gian, địa điểm, sự kiện, con người và chi tiết là những đặc điểm cốt lõi của một bài phóng sự. Để đảm bảo sự xác thực, độ tin cậy của thông tin, người viết phóng sự thường dùng những biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, ghi chép tại chỗ... Với phóng sự, ngoài các tư liệu thực tế	Phóng sự là một thể loại thuộc loại hình kí phản ánh những sự việc, câu chuyện mang tính thời sự và có ý nghĩa quan trọng nhất định đối với một cộng đồng xã hội, thể hiện thái độ rõ ràng của người viết đối với những sự việc đó. Tác giả phóng sự thường sử dụng các biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, đối thoại... nhằm đảm bảo tính xác thực của tư liệu, đồng thời kết hợp sử dụng chọn lọc các phương tiện biểu đạt văn học nhằm tăng giá trị nghệ thuật cho tác phẩm.

		xác thực, nhà văn còn có thể sử dụng các thủ pháp hư cấu ở một mức độ nhất định làm cho câu chuyện và các sự kiện được kể trở nên hấp dẫn hơn. Do vậy, bên cạnh việc đáp ứng các yêu cầu về mặt thông tin, phóng sự còn thể hiện tính thẩm mỹ, mang dấu ấn phong cách cá nhân người viết trong việc mô tả sự việc, hiện tượng; sử dụng nghệ thuật trần thuật, biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc...	
Tính phi hư cấu trong nhật kí, phóng sự, hồi kí	Tính phi hư cấu của nhật kí, phóng sự, hồi kí thể hiện ở những sự kiện có thực (về thời gian, địa điểm, số liệu...) mà người viết đã trực tiếp tham gia hay chứng kiến.	- Phóng sự: Tính chân thực về thời gian, địa điểm, sự kiện, con người và chi tiết là những đặc điểm cốt lõi của một bài phóng sự. Để đảm bảo sự xác thực, độ tin cậy của thông tin, người viết phóng sự thường dùng những biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, ghi chép tại chỗ... - Hồi kí luôn đề cao tính xác thực của những gì được kể. Câu chuyện về con người và sự việc trong hồi kí giúp độc giả vừa thấy rõ trải nghiệm phong phú và thế giới tinh thần riêng	Phi hư cấu: cách phản ánh hiện thực theo nguyên tắc đề cao tính xác thực, là đặc điểm của tác phẩm thuộc loại hình kí. Phóng sự, nhật kí cũng như các thể loại khác thuộc loại hình kí coi trọng việc sử dụng các chi tiết, sự kiện mang thông tin xác định, có kiểm chứng. Tính phi hư cấu thể hiện trong các thể loại: hồi kí, tự truyện, nhật kí, phóng sự, văn bản thông tin (thuyết minh về một đối tượng, quy trình,;

		của người viết, vừa hình dung được diện mạo chân thực của đời sống lịch sử - xã hội và văn hoá một thời đã qua. Người viết hồi kí thường tập trung ghi chép, soi tỏ phần hiện thực mà mình hiểu rõ với tư cách là chứng nhân.	một hiện tượng tự nhiên, xã hội; bản tin...)
Thủ pháp nghệ thuật trong nhật kí, phóng sự, hồi kí	- Thủ pháp nghệ thuật miêu tả kết hợp với trần thuật giúp sự kiện và con người trong tác phẩm hiện lên sinh động. - Sự kết hợp giữa chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ đánh giá của người viết khiến nhật kí, phóng sự, hồi kí không chỉ làm tròn chức năng thông tin mà còn chứa đựng tư tưởng. Đọc nhật kí, phóng sự, hồi kí, ta không chỉ thấy được sự kiện mà còn biết những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, hiểu được về hoàn cảnh, tính cách và số phận nhân vật. - Ở nhật kí, người viết thường ghi lại sự kiện, cảm nghĩ của cá nhân “vừa mới xảy ra”, thường sử dụng hình thức trần thuật ngôi thứ nhất, số ít. Nhật kí là thể loại độc thoại, song lời độc thoại	- Với phóng sự, ngoài các tư liệu thực tế xác thực, nhà văn còn có thể sử dụng các thủ pháp hư cấu ở một mức độ nhất định làm cho câu chuyện và các sự kiện được kể trở nên hấp dẫn hơn. Do vậy, bên cạnh việc đáp ứng các yêu cầu về mặt thông tin, phóng sự còn thể hiện tính thẩm mĩ, mang dấu ấn phong cách cá nhân người viết trong việc mô tả sự việc, hiện tượng; sử dụng nghệ thuật trần thuật, biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc... - Trong hồi kí, tác giả là người kể chuyện ngôi thứ nhất, trực tiếp trình bày, mô tả về con người và sự việc. Cùng với điều đó, quy luật vận động riêng của trí nhớ đã làm cho hồi kí mang đậm tính chủ quan - một đặc	- Chi tiết, sự kiện hiện thực là loại chi tiết, sự kiện có thật trong đời sống, tồn tại một cách khách quan. Đối với phóng sự, nhật kí, việc kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ, đánh giá của người viết vừa thể hiện tính xác thực của thông tin vừa đem lại cho người đọc những nhận thức sâu sắc gắn liền với cái nhìn, tình cảm của tác giả về thông tin được phản ánh trong văn bản.

	của tác giả hoặc nhân vật lại có thể là cuộc đối thoại ngầm với người khác về con người, cuộc đời và chính bản thân mình. - Ở phóng sự, người viết thường bám sát hiện thực đời sống, phát hiện những sự việc, vấn đề gay gắt, có ý nghĩa thời sự để điều tra, phỏng vấn, đối thoại, ghi chép... nhằm cung cấp cho công chúng những bằng chứng xác thực, cụ thể để họ có thể đánh giá đúng người và việc mà họ đang quan tâm theo dõi. - Ở hồi kí, người viết thường kể lại những sự kiện dựa trên ấn tượng, hồi ức của cá nhân và chính những ấn tượng, cảm tưởng trực tiếp của tác giả lại có giá trị như một tài liệu xác thực, đáng tin cậy.	điểm quan trọng tạo nên sức hút riêng của thể loại này.	
Cảm hứng chủ đạo	Cảm hứng chủ đạo trong thơ (SGK Cánh diều tập 1 trang 42)	Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác	Cảm hứng chủ đạo trong thơ (SGK Chân trời tập 2 trang 4)

		phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận. (SGK Kết nối lớp 10 tập 2 trang 38)	
Giá trị văn hoá	Mỗi tác phẩm văn học là sản phẩm của một nền văn hoá, phản ánh giá trị văn hoá cộng đồng nơi tác phẩm sinh thành. (SGK Cánh diều lớp 11)		
Triết lí nhân sinh	Là quan niệm và sự lí giải của nhà văn về các vấn đề chung liên quan đến cuộc sống, số phận con người, sự tồn tại và phát triển của xã hội. Triết lí nhân sinh thường biểu hiện trực tiếp qua lời người kể chuyện; thể hiện trực tiếp qua lời nhân vật hoặc gián tiếp qua tình huống truyện, nhân vật, biểu tượng, bối cảnh. (SGK Cánh diều lớp 11)		
Cái tôi trữ tình		Loại hình tượng trong thơ trữ tình hoặc các thể kí mang đậm tính trữ tình như tuỳ bút, tản văn; phản chiếu chính hình ảnh của tác giả với toàn bộ cảm xúc, cách nhìn, quan điểm đánh giá về các đối tượng được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm.	

		(Bảng giải thích thuật ngữ, SGK Kết nối lớp 11 tập 2 trang 127)	
Chủ đề chính	Chủ đề là vấn đề cơ bản đặt ra trong tác phẩm. Chủ đề chính là chủ đề quán xuyên toàn bộ văn bản. (SGK Cánh diều tập 1 trang 64)	Chủ đề được nhấn mạnh hay thể hiện nổi bật bằng nhiều phương thức khác nhau, đóng vai trò chi phối các chủ đề khác trong tác phẩm. (Bảng giải thích thuật ngữ, SGK Kết nối lớp 11 tập 2 trang 127)	Chủ đề chính và chủ đề phụ: trong các tác phẩm văn học cỡ lớn (một truyện lịch sử, truyện thơ, tiểu thuyết hay kịch bản văn học gồm nhiều phần, nhiều chương khúc...) thường có nhiều chủ đề. Trong đó có một chủ đề chính và một số chủ đề phụ xoay quanh chủ đề chính. Có thể xác định chủ đề chính dựa vào nhan đề, nội dung bao quát, hình tượng trung tâm, tổng thể các chi tiết, sự việc chính của tác phẩm. (SGK CTST lớp 11 tập 1 trang 111)
Chủ đề phụ	Chủ đề phụ là chủ đề được thể hiện qua các nhân vật hoặc tình tiết riêng lẻ. (SGK Cánh diều tập 1 trang 64)	Chủ đề thứ yếu, không được nhấn mạnh hay thể hiện nổi bật như chủ đề chính, thực hiện chức năng mở rộng cái nhìn về đối tượng được đề cập, miêu tả, thể hiện. (Bảng giải thích thuật ngữ, SGK Kết nối lớp 11 tập 2 trang 127)	

II. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU KÍ

HỆ THỐNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU KÍ		
Phạm vi	Câu hỏi	Cách trả lời
1. Nhan đề	1. Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản.	- Nêu ý nghĩa ban đầu nhan đề gợi ra cho người đọc (nghĩa gốc, nghĩa từ ngữ + nghĩa khơi gợi hình dung, liên tưởng). - Đối chiếu nhan đề với đề tài, chủ đề, từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trong văn bản và rút ra giá trị/ dụng ý nghệ thuật của tác giả. Ví dụ: <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường): Câu hỏi tu từ khơi gợi sức hấp dẫn đặc biệt của cái tên dòng sông, câu hỏi không hỏi về cái tên mà hỏi
	2. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với chủ đề, nội dung văn bản.	

		về chủ thể đã đặt tên cho con sông → gợi ý về những điều lí thú, những bí ẩn cần khám phá; thể hiện trạng thái cảm xúc của tác giả trước sông Hương Ví dụ: <i>Cõi lá</i> (Đỗ Phấn): lá là nơi lưu giữ vẻ đẹp Hà Nội, là mảnh hồn của Hà Nội => cõi lá cũng là cõi hoài niệm, cõi nhớ nhung, là chốn nương náu cảm xúc của tâm hồn những người Hà Nội, là chốn lui về trong tưởng tượng của những kẻ tha hương.
2. Chủ đề	1. Nêu chủ đề của văn bản kí 2. Tác phẩm kí có phải là văn bản có nhiều chủ đề không? Nếu có, hãy chỉ ra chủ đề chính và chủ đề phụ của văn bản.	(Áp dụng kiến thức các chuyên đề trước)
3. Cảm hứng chủ đạo	1. Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản kí.	(Áp dụng kiến thức các chuyên đề trước)
4. Kết cấu (sắp xếp hệ thống hình tượng)	1. Chỉ ra kết cấu của văn bản 2. Chỉ ra bố cục của văn bản và nêu nội dung chính của từng phần.	Về kết cấu, kí có thể sử dụng kết cấu biên niên, ghi chép theo các mốc thời gian giống như kiểu nhật kí; có thể tổ chức văn bản theo dòng cảm xúc, suy tưởng của chủ thể trần thuật như tùy bút; cũng có thể tổ chức theo logic điều tra như trong phóng sự... - Xác định hệ thống hình ảnh, hình tượng của văn bản; Xác định mạch cảm xúc, suy tưởng của tác giả - Chỉ ra cách thức tổ chức, vận động, phát triển của hình ảnh, hình tượng, mạch cảm xúc đó; cách dẫn dắt, trần thuật về đối tượng được ghi chép. - Đánh giá tác dụng của kết cấu đối với việc thể hiện đối tượng được ghi chép và việc thể hiện tình cảm, cảm xúc, thái độ của tác giả.

5. Cái Tôi tác giả trong tùy bút, tản văn (phản chiếu chính hình ảnh của tác giả với toàn bộ cảm xúc, cách nhìn, quan điểm đánh giá về các đối tượng được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm.)	1. Xác định cái tôi của tác giả trong văn bản. đọc câu hỏi => đưa vấn đề hỏi về dạng cơ bản (tất cả những thuật ngữ đặc trưng thể loại)	- Thể hiện/phản chiếu trực tiếp: + Người kể xưng tôi; + Tác giả xuất hiện trong vai người kể chuyện để thể hiện trực tiếp cảm xúc, cách nhìn, quan điểm đánh giá về đối tượng (Cái Tôi tự bộc lộ/tự biểu hiện) (<i>tôi bồi hồi, tôi bổng nghĩ đến, tôi suy nghĩ, liên tưởng...</i>) - Thể hiện/phản chiếu gián tiếp: gián tiếp thể hiện cảm xúc, cách nhìn, quan điểm đánh giá về đối tượng ghi chép. + Cách tác giả khám phá, phát hiện; bộc lộ cảm xúc, đánh giá về đối tượng ghi chép. (Gợi ý: Cái Tôi tài hoa; cái Tôi uyên bác; cái Tôi giàu cảm xúc dành cho đối tượng ghi chép; Cái Tôi rất Huế...) Ví dụ: <i>Tờ hoa</i> Cái Tôi tài hoa: khám phá sự vật, sự việc dưới khía cạnh thẩm mỹ (các công việc của mọi đối tượng đều là quá trình tạo sinh cái Đẹp) Cái Tôi uyên bác: thể hiện vốn hiểu biết, vốn sống phong phú Cái Tôi với tình cảm nồng hậu dành cho đối tượng tạo ra cái đẹp, tạo ra thành tựu + Cách sử dụng hình ảnh, ngôn từ trong văn bản (Cái Tôi tài hoa)
6. Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn	1. Xác định yếu tố tự sự của văn bản. 2. Xác định yếu tố trữ tình của văn bản. 3. Sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình đem lại hiệu quả nghệ thuật nào?	Khi chỉ ra sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong kí văn học thì căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm tự sự, đặc điểm của tác phẩm trữ tình để nhận diện; đồng thời chỉ ra tác dụng của sự kết hợp này. Cụ thể: - Yếu tố tự sự: xác định người kể, sự kiện, nhân vật, bối cảnh, sự tổ chức các sự kiện. - Yếu tố trữ tình: xác định các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết bộc lộ trực tiếp thể hiện thế giới chủ quan; ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc tính; hình ảnh đa nghĩa. - Nêu tác dụng của sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản: yếu tố tự sự giúp sự việc, câu chuyện được ghi chép cụ thể, sinh động, hấp dẫn; yếu tố trữ

		tình giúp bộc lộ cảm xúc, suy tư gợi ra từ đối tượng, giúp văn bản mang màu sắc chủ quan, tính thẩm mỹ.
7. Sự kết hợp giữa yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí	- Chỉ ra yếu tố hư cấu và phi hư cấu của văn bản kí. - Đánh giá tác dụng của sự kết hợp yếu tố hư cấu và phi hư cấu của văn bản kí.	- Yếu tố phi văn học (phi hư cấu) trong kí: tư liệu xác thực về con người, địa lí, khí hậu, lịch sử, khoa học kĩ thuật, kinh tế, văn hoá... Các yếu tố này khi đưa vào văn học cũng ít nhiều đã qua sự lựa chọn, sắp xếp và gắn với sự bộc lộ dấu ấn chủ quan. - Yếu tố văn học (hư cấu) trong kí: hình tượng thẩm mỹ thể hiện cảm xúc chủ quan và trí tưởng tượng bay bổng...
8. Tính phi hư cấu/sự thực trong nhật kí, hồi kí, phóng sự	1. Tính phi hư cấu của nhật kí/hồi kí/phóng sự được thể hiện như thế nào trong văn bản?	<i>Kí văn học chú trọng thông tin sự thật. Thông tin sự thực là thông tin có thể kiểm chứng được trong hiện thực khách quan</i> - Chỉ ra các dữ liệu xác thực, các thông tin cụ thể về sự kiện, con người, thời gian, địa điểm, sự việc, nhân vật, bối cảnh lịch sử xuất hiện trong văn bản. - Chỉ ra các cảm nhận, cảm xúc, suy nghĩ chân thực + Đối tượng của cảm nhận, cảm xúc, suy nghĩ có thực + Chủ thể của cảm xúc, suy nghĩ có thực + Người trần thuật trực tiếp chứng kiến - Đánh giá vai trò của tính phi hư cấu: cung cấp tư liệu chân thực, có giá trị lịch sử giúp người đọc hiểu rõ về cuộc đời nhân vật, các sự kiện lịch sử)
9. Người trần thuật, điểm nhìn trong nhật kí, hồi kí, truyện kí	1. Tác giả kể câu chuyện từ điểm nhìn nào? 2. Đánh giá ý nghĩa của việc lựa chọn điểm nhìn đó. 3. Chỉ ra ngôi kể trong văn bản và tác dụng của nó	- Nhận diện người trần thuật - Đánh giá ý nghĩa: +Người trần thuật trực tiếp chứng kiến làm tăng tính xác thực của thông tin. +Người trần thuật luôn tự bộc lộ mình +Người trần thuật – nhân tố kết nối những yếu tố tản mạn. Trong kí văn học, ngay cả trong những thể loại gần với tác phẩm tự sự như kí sự, yếu tố cốt truyện mờ nhạt. Bề mặt, tác phẩm kí có vẻ tản mạn, nhưng bề sâu,

		tác phẩm kí vẫn có một sợi dây liên kết tất cả các yếu tố tản mạn đó lại thành một chỉnh thể thống nhất, nhân tố đó chính là người trần thuật.
10. Ngôn ngữ kí	1. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau... 2. Đánh giá cách sử dụng từ ngữ của tác giả trong văn bản.	Ngôn từ trong kí thể hiện đậm nét cách nhìn, cách cảm, cách quan sát, cách suy nghĩ của tác giả; linh hoạt về giọng điệu. - Nhận biết và đánh giá cách sử dụng từ ngữ, câu văn, các biện pháp tu từ; hình ảnh trong văn bản; giọng điệu của tác giả - Nêu tác dụng của ngôn ngữ trong việc thể hiện đối tượng ghi chép và thể hiện cái tôi của tác giả.
11. Các dấu hiệu nhận biết kí (tùy bút, tản văn, truyện kí, hồi kí, nhật kí, phóng sự)	1. Chỉ ra các dấu hiệu nhận biết văn bản thuộc thể loại tùy bút/tản văn. 2. Khái quát các đặc điểm cơ bản của thể loại phóng sự qua văn bản. [...]	*Phóng sự: - Tính xác thực: các thông tin cụ thể về ngày tháng, địa điểm, sự việc, con người được nói tới - Tính thời sự: tầm quan trọng và tính cập nhật, “nóng hổi”, gay gắt của vấn đề được đặt ra trong bối cảnh của tác phẩm. - Tính chiến đấu: những lời bình luận thể hiện sự bất bình, lên án bất công; bênh vực cho lẽ phải, cho sự công bằng - Tính thẩm mĩ: phóng sự sử dụng các thủ pháp hư cấu ở một mức độ nhất định (mô tả sự việc, hiện tượng, sử dụng nghệ thuật trần thuật, sử dụng biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc...) => làm cho câu chuyện và các sự kiện được kể trở nên hấp dẫn hơn; phóng sự mang dấu ấn phong cách cá nhân người viết. - Các biện pháp nghiệp vụ báo chí được sử dụng như điều tra *Nhật kí: - Tính xác thực: các thông tin cụ thể về ngày tháng, địa điểm, sự việc, con người được nói tới - Tính chủ quan: những cảm xúc, suy nghĩ được bộc lộ trực tiếp về sự kiện, con người.

		- Tính thời đại: những thông tin về bối cảnh lịch sử liên quan - Hình thức trần thuật: ngôi thứ nhất số ít - Ghi chép “quá khứ gần”: Người viết thường ghi lại sự kiện, cảm nghĩ của cá nhân “vừa mới xảy ra” *Hồi kí: - Tính xác thực: các thông tin cụ thể về ngày tháng, địa điểm, sự việc, con người được nói tới - Tính chủ quan: những cảm xúc, suy nghĩ được bộc lộ trực tiếp về sự kiện, con người. - Tính thời đại: những thông tin về bối cảnh lịch sử liên quan - Hình thức trần thuật: ngôi thứ nhất số ít - Ghi chép “quá khứ xa”: ghi chép các sự kiện xảy ra cách một thời gian dài dựa trên ấn tượng và hồi ức.
9. Thông điệp	1. Hãy rút ra thông điệp của văn bản	(Áp dụng kiến thức các chuyên đề trước)
10. Giá trị văn hoá	1. Hãy nêu giá trị văn hoá của văn bản kí.	- Qua văn bản, người đọc biết thêm điều gì về: cách sử dụng lời ăn tiếng nói, phong tục tập quán; cách cảm cách nghĩ, quan niệm về giá trị... của cộng đồng; nhu cầu và cách gìn giữ các giá trị văn hoá; cách tiếp nhận và phát huy các yếu tố văn hoá hiện đại... - Nêu nhận xét về các giá trị văn hoá thể hiện trong văn bản.
11. Triết lí nhân sinh	1. Văn bản gửi gắm những triết lí nhân sinh nào?	- Tìm trong văn bản những câu văn, lời thoại thể hiện trực tiếp sự suy tư, đúc rút, chiêm nghiệm, khái quát hoá về một vấn đề nào đó của cuộc sống, con người (số phận, vẻ đẹp, ước mơ...). Sau đó xác định nội dung triết lí phát biểu về vấn đề gì.

		- Từ việc tìm hiểu toàn bộ nội dung, nghệ thuật của văn bản, xác định triết lí nhân sinh của tác giả bằng cách trả lời các câu hỏi: Qua văn bản, tác giả thể hiện quan niệm như thế nào về ...?
--	--	---

III. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ

Văn bản: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966

Tôi nhìn ra cái tàu lặn nghiêng đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhện nhíp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và ngửi thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lặn ra chết, linh hồn xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tính lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bốn mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một số tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.

Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dẫu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thom thảo vào sự sống. Đôi hoa xuân lẳng ong mật mà thêm ngấm tới đàn bướm tốt mã chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ ồn ào. Bước phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.

Người ta hay nhắc đến mang nặng đẻ đau. Có những quá trình không phải hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa đen sinh học) nhưng rất khổ đau và nặng nhọc đèo bồng. Ngọc trai nguyên chỉ là một hạt cát, một hạt bụi biển xâm lăng vào vỏ trai, lòng trai. Cái bụi bặm khách quan nơi rón bễ lên vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước dãi bọc lấy cái hạt bụi sắc. Có những cơ thể trai đã chết ngay vì hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình (và vì trai chết nên cát bụi kia vẫn chỉ là hạt cát). Nhưng có

những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu lấy dải mình ra mà bao phủ lấy hạt đầu hạt xót. Tới một thời gian nào đó, hạt cát *khối tình con*¹, cộng với nước mắt hạch trai, đã trở thành lõi sáng của một hạt ngọc tròn trặn ánh ngời.

Buổi ban đầu vào nghề viết cách đây vài chục năm, khi nhìn chuỗi ngọc trên cổ người “con hát” một thời Thăng Long, tôi chỉ mới liên hệ nhân cát ngọc với mảy² bụi cát kiếp người nơi thập điều Kinh Thánh³. Cho tới gần đây, tôi mới biết nhìn rõ thân thể của ngọc trai. Biết nhìn nó không phải chỉ ở chặng *thành tựu* chót cùng nơi cổ nơi ngón con người ta, mà nhìn thấy được nó ở một quá trình dài, đầu kia quá trình là một vết thương lòng và đầu này quá trình là một niềm vui. Đầu kia quá trình là một cơn giận dữ tự vệ, đầu này này một giọt tài nguyên Tổ quốc ta bao la cát bãi.

[...]

(Tờ hoa, Nguyễn Tuân, Rút từ *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập 2, tr.5-10, Nxb Văn học, H.2005)

CÂU HỎI

Câu 1. Nêu ý nghĩa nhan đề “Tờ hoa” của văn bản.

Câu 2. Hãy phân tích sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong văn bản.

Câu 3. Chỉ ra kết cấu của văn bản.

Câu 4. Nêu chủ đề của văn bản

Câu 5. Xác định tư tưởng của văn bản.

Câu 6. Hãy nhận xét về cái Tôi tác giả thể hiện trong văn bản.

Câu 7. “Tôi nghĩ rằng cái biểu hiện yêu nước của tôi, ở tôi, tôi xin khung nó gợn vào vấn đề xây dựng tiếng nói” (Nguyễn Tuân, Văn Nghệ, số 12- 1958). Hãy nhận xét về ngôn từ của đoạn trích để thấy được tâm nguyện đó của Nguyễn Tuân.

Câu 8. Hãy nhận diện những đặc điểm của thể loại tùy bút trong đoạn trích trên.

Câu 9. Qua tìm hiểu đoạn trích, hãy nhận xét về phong cách tùy bút của Nguyễn Tuân.

Câu 10. Từ câu chuyện con trai bể và hành trình ra đời của viên ngọc trai, hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa đối với anh/chị.

HƯỚNG DẪN

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

¹ *khối tình con*: cụm từ mượn của Tân Đà

² mảy: phần, lượng rất nhỏ, không đáng kể

³ thập điều Kinh Thánh: Mười điều răn Thiên Chúa

Câu 1. Nêu ý nghĩa nhan đề “Tờ hoa” của văn bản.

Gợi ý:

Tờ là trang viết, ẩn dụ cho sự trình hiện tư tưởng của người viết qua ngôn từ; hoa là ẩn dụ cho cái đẹp => Tờ hoa là cảm thức về cái đẹp và sự sáng tạo cái đẹp của muôn loài, của con người và nhất là người nghệ sĩ.

Câu 2. Hãy phân tích sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong văn bản.

Gợi ý:

- Tự sự: xác định các sự việc, sự kiện, câu chuyện, nhân vật, bối cảnh được ghi chép trong văn bản:

+ bối cảnh: công trường làm đường Tây Bắc năm 1966; đêm tất niên năm 1966

+ câu chuyện: chuyện đời ông, chuyện đời trai, chuyện bông hoa hồng hình vuông xanh biếc của em bé Xô Viết ...

+ Sự kiện: làm mật, làm ngọc, vẽ bức tranh hoa hồng xanh biếc hình vuông

+ nhân vật: tôi (người kể chuyện)

- Trữ tình: xác định các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết bộc lộ suy nghĩ, quan điểm, tình cảm, cảm xúc của người viết đối với con người và sự việc được đề cập tới trong văn bản.

+ Suy nghĩ, quan điểm bộc lộ trực tiếp: *Đôi hoa xuân lảng ong mật mà thêm ngấm tới đàn bướm tốt mã chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngừ ồn ào. Bước phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì; tôi mới biết rõ nhìn thân thể của ngọc trai, biết nhìn nó không phải chỉ ở chạng thành tự...; Tôi đã lấy cách nhìn hạt ngọc mà nhìn vào biểu tượng của một công tác, một công trạng, một công trình;...*

+ Tình cảm, cảm xúc chủ quan bộc lộ trực tiếp: *tôi thấy say say trong chính mình; nhìn ngọn hoa sáng chói công khai giữa bầu trời mà không khỏi không bận lòng vì lũ rết con rết cái trong bóng tối lòng đất kín; cảm thấy bồi hồi vì cái rết máu mình đang thọc sâu rừng Tây Nguyên; tôi cảm thấy hình như chiếc đồng hồ thượng hảo hạng trên thế giới đang vạy theo giờ Hà Nội; lắng nghe cái bước tới của năm mới 1966 mà càng thêm nhận rõ là thời gian chỉ có ủng hộ mình...*

+ Suy nghĩ, quan điểm, tình cảm, cảm xúc bộc lộ gián tiếp qua các yếu tố giàu sắc thái biểu cảm như hình ảnh, ngôn ngữ (biện pháp tu từ; câu văn giàu hình ảnh, nhịp điệu; từ ngữ có tính biểu cảm cao như từ láy, từ tượng thanh, tượng hình...)

=> Nêu tác dụng của sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản.

Câu 3. Hãy chỉ ra kết cấu của văn bản.

Gợi ý:

- Xác định hệ thống hình ảnh, hình tượng của văn bản:

đời ông thợ (làm mật) -- đời bướm (không để lại gì) => đời của người theo đuổi nghề viết (viết tác phẩm) => đời con trai (làm ngọc) => đời rết (làm hoa) => đồng hồ (sinh thành thời gian) => bánh xe thời gian lịch sử (sinh thành lịch sử mới)

- Xác định mạch cảm xúc, suy tưởng của tác giả:

thán phục trước đời ông và hành trình làm mật của nó => **tự hào** với đời viết và sự thom thảo bản thân cống hiến cho đời => **cảm khái** với đời con trai và hành trình làm ngọc đau đớn, vĩ đại => **suy tư** về đời rẽ sóng mãnh liệt trong bóng tối để sinh thành hoa thom => **trầm tư** với câu chuyện đồng hồ và nhịp thời gian => **tự hào** vì bánh xe thời gian lịch sử đang quay theo giờ Hà Nội và **tin tưởng** một lịch sử mới sinh thành.

- Chỉ ra cách tổ chức, cách thức vận động, phát triển của hình ảnh, hình tượng, mạch cảm xúc đó: xâu chuỗi, móc xích liên hoàn các liên tưởng, suy tư, cảm xúc và hình ảnh thành một chuỗi như chuỗi hạt ngọc trai.

=> **kết cấu chuỗi móc xích liên hoàn**

Câu 4. Nêu chủ đề của văn bản

Gợi ý:

Hành trình sáng tạo, cống hiến, sinh thành và vai trò của chủ thể sáng tạo

Câu 5. Xác định tư tưởng của văn bản

Gợi ý:

- Tụng ca vai trò của chủ thể sáng tạo; đồng cảm, biết ơn hành trình sáng tạo, sinh thành, khai thị
- Lí giải hành trình sáng tạo khắc nghiệt, tận tụy chính là căn nguyên để tạo nên cái đẹp; quá trình làm việc đầy cống hiến, hi sinh mới làm nên được thành tựu.

Câu 6. Hãy nhận xét về cái Tôi tác giả thể hiện trong văn bản.

***Cái tôi là sự phản chiếu hình ảnh của tác giả Nguyễn Tuân:**

- Xưng “tôi”: xuất hiện trực tiếp, chứng kiến làm tăng tính xác thực của thông tin.
- Cái tôi tự biểu hiện/ tự bộc lộ mình:
 - + Con người nồng nhiệt: trực tiếp bộc lộ suy nghĩ đánh giá, tình cảm, cảm xúc đối với đối tượng đề cập (“tôi thấy”, “tôi cảm thấy”, “tôi mới biết rõ”, “tôi cứ nghĩ”...)
 - + Con người tài hoa uyên bác: con người am hiểu (cung cấp lượng tri thức lớn về tự nhiên, con người và xã hội) + con người cảm nhận, suy tư (liên tục thể hiện cảm nhận, suy tưởng của mình về các sự vật, sự việc, con người) => điều này khiến cho tùy bút không cần sự hiện diện của cốt truyện)

=> xác lập hình tượng con người nhiệt tình trên hành trình đi tìm cái đẹp trong cuộc sống, trong thiên nhiên; khao khát lí giải nguồn gốc của cái đẹp, của thành tựu; con người luôn cảm nhận, suy tưởng, con người nhiều trải nghiệm, am hiểu nhiều ngành nghề...

***Cái tôi với toàn bộ cảm xúc, cách nhìn, quan điểm đánh giá về các đối tượng được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm.**

- Khai thác quá trình đi tìm cái đẹp với quan điểm: cái đẹp sinh thành từ sự cống hiến thậm chí hi sinh, quá trình sinh thành cái đẹp là quá trình khổ ải.

- Cái tôi với cái nhìn nghệ thuật mang tính phát hiện (nhận thức và khai thác đối tượng thẩm mỹ): phát hiện về tự nhiên + phát hiện về cuộc sống và con người

+ Viết về tư thế của dân tộc trước đế quốc Mỹ năm 1966, Nguyễn Tuân phát hiện rằng thời gian lịch sử đã đứng về phía chúng ta: *hình như chiếc đồng hồ thượng hảo hạng trên thế giới đang vận theo giờ Hà Nội; lắng nghe cái bước tới của năm mới 1966 mà càng thêm nhận rõ là thời gian chỉ có ủng hộ mình*

+ Viết về quy luật của sáng tạo, Nguyễn Tuân phát hiện: *bướm tốt mã, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ ồn ào, bước phù phiếm cũng vào hoa nhưng chẳng để lại gì; có quá trình không hoàn thai, không đẻ gì nhưng rất khổ đau và nặng nhọc; hoa hồng nào cũng đều có gai nhưng có vô khối loại gai mà không có hoa gì... => phát hiện có chiều sâu về quy luật khắc nghiệt của sáng tạo; thậm chí phân biệt cái gọi là sáng tạo và những cái “tựa như sáng tạo”.*

- Giọng điệu: giọng hào hứng say sưa; giọng trầm lắng suy tư; giọng phô phang

- Ngôn ngữ: [tham khảo câu 7]

Câu 7. “Tôi nghĩ rằng cái biểu hiện yêu nước của tôi, ở tôi, tôi xin khung nó gọn vào vấn đề xây dựng tiếng nói” (Nguyễn Tuân, Văn Nghệ, số 12- 1958). Hãy nhận xét về ngôn từ của đoạn trích để thấy được tâm nguyện đó của Nguyễn Tuân.

Gợi ý:

- Ngôn ngữ giàu chất thơ, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu với các thủ pháp tu từ độc đáo; câu văn thường có nhịp điệu, thanh điệu nhịp nhàng trầm bổng, nhiều câu phức hợp mà không gây cảm giác dài dòng lê thê, văn khúc chiết, sáng sủa và êm tai.

Ví dụ: Biện pháp tu từ

+ So sánh: *Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống.*

+ Nhân hoá: *Cái bụi bặm khách quan nơi rồn bề lên vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước dãi bọc lấy cái hạt buốt sắc. Có những cơ thể trai đã chết ngay vì hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình (và vì trai chết nên cát bụi kia vẫn chỉ là hạt cát). Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu lấy dãi mình ra mà bao phủ lấy hạt đau hạt xót. Tới một thời gian nào đó, hạt cát khối tình con, cộng với nước mắt hạch trai, đã trở thành lõi sáng của một hạt ngọc tròn trặn ánh ngời.*

- Sáng tạo trong cách dùng từ, đặt câu: đoạn trích thể hiện vốn tiếng Việt rất dồi dào, phong phú và năng lực sáng tạo từ ngữ của Nguyễn Tuân.

Ví dụ:

+ Cách dùng từ:

- từ tố “*trai*” (loài nhuyễn thể) tạo ra một chuỗi từ ngữ, trong đó có những từ mới lạ: ngọc trai, vỏ trai, lòng trai, cửa trai, máu trai, cơ thể trai, hạch trai
- “*hạt cát*” = hạt bụi biển, cái bụi bặm khách quan nơi rồn bề, cái hạt buốt sắc, hạt đau hạt xót, hạt cát *khối tình con*
- *đồng hồ*: đồng hồ cát, đồng hồ nước, đồng hồ gà, đồng hồ hương, đồng hồ nến, đồng hồ hoa, đồng hồ dây cốt

+ Cách sắp xếp câu: câu trần thuật cái cụ thể + câu trần thuật cái trừu tượng

Câu 8. Hãy nhận diện những đặc điểm của thể loại tùy bút trong đoạn trích trên.

Gợi ý:

- Cái “tôi” độc đáo
- Sự kết hợp tự sự và trữ tình
- Ngôn ngữ: giàu hình ảnh, giàu chất thơ; cách liên tưởng, so sánh bất ngờ; câu văn có nhịp điệu đầy biến hoá; từ ngữ sáng tạo độc đáo.

Câu 9. Qua tìm hiểu đoạn trích, hãy nhận xét về phong cách tùy bút của Nguyễn Tuân.

Gợi ý:

Phong cách tùy bút Nguyễn Tuân thể hiện qua cái Tôi tài hoa, uyên bác

- Tài hoa: khám phá và thể hiện hình tượng sự vật qua khía cạnh thẩm mỹ độc đáo (con ong, con trai bẻ, chiếc đồng hồ đều được thể hiện qua khía cạnh này)
- Uyên bác: vận dụng vốn kiến thức uyên thâm đa ngành, liên ngành để sáng tạo hình tượng nghệ thuật của tùy bút

Câu 10. Từ câu chuyện con trai bẻ và hành trình ra đời của viên ngọc trai, hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa đối với anh/chị.

Gợi ý:

- Bài học về vấn đề ứng xử với nghịch cảnh và vượt lên nghịch cảnh
- Không có thành công nào đến một cách dễ dàng, thành công hôm nay luôn là kết quả của tổn thương, vấp ngã ngày hôm qua.